

(Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC  
ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 169/QĐ-CTHADS

Hậu Giang, ngày 05 tháng 9 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai bổ sung, điều chỉnh giảm dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự và dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-TCTHADS ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2022 và Công văn số 2367/TCTHADS-KHTC ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc thông báo chi tiết giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 679/QĐ-TCTHADS ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 và Công văn số 2607/TCTHADS-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2022 về việc thông báo chi tiết nội dung điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 164/QĐ-CTHADS ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang về việc giao bổ sung, điều chỉnh giảm dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2022 và Công văn số 396/CTHADS-VP ngày 25 tháng 8 năm 2022 về việc thông báo chi tiết giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2022; Quyết định số 168/QĐ-CTHADS ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang về việc giao bổ sung, điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 và Công văn số 408/CTHADS-VP ngày 06 tháng 9 năm 2022 về việc thông báo chi tiết nội dung điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao bổ sung, điều chỉnh giảm dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2022 và giao bổ sung, điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Vụ KHTC (để b/c);
- Phó Cục trưởng (để biết);
- Lưu :VT, KTNS, đăng tải Trang Thông tin điện tử của Cục, niêm yết tại đơn vị.

**CỤC TRƯỞNG**



**Lê Phước Toàn**



Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **VĂN PHÒNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH HẬU GIANG**  
Chương: 014

**BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN THU- CHI PHÍ THADS  
VÀ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 169/QĐ-CTHADS ngày 05/9/2022 của Cục trưởng  
Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>525,000</b>
1.1	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (gồm 55% được sử dụng tại đơn vị và 20% nộp về Tổng cục sau khi giảm 15% và giảm thêm 22,405 trđ)	312,283
1.2	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước (25% tổng số thu và 15% số thu được để lại và tăng thêm 22,405 trđ)	212,717
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>	<b>1.327,130</b>
1.1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	73,600
1.2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	1.253,530
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - Khoản 085)</b>	<b>-</b>
2.1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	-
2.2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	-

*(Handwritten signature)*



**ĐƠN VỊ CỤC THỊ HÀNH AN DÂN SỰ TỈNH HẬU GIANG**  
**CHƯƠNG 014**  
**BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH GIÁM ĐỰ TOÀN THU-CHI PHÍ THADS VÀ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 169/QĐ-CTHADS ngày 05/9/2022 của Cục trưởng)

*Cục Thị hành an dân sự tỉnh Hậu Giang*

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp / đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

**Trong đó**

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó															
				VP Cục	TP Vị Thanh	H Châu Thành	H Châu Thành A	H Phụng Hiệp	H Vị Thủy	H Long Mỹ	TP. Ngã Bảy	TX Long Mỹ							
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí																		
I	Số thu phí, lệ phí	2.835,000	2.835,000	525,000	451,000	444,000	140,000	428,000	292,000	62,000	300,000	193,000							
	Phí thi hành án	2.835,000	2.835,000	525,000	451,000	444,000	140,000	428,000	292,000	62,000	300,000	193,000							
II	Chi từ nguồn phí được để lại																		
2	Chi quản lý hành chính	1.208,325	1.208,325	229,008	188,859	185,929	61,069	179,228	127,372	27,045	125,628	84,187							
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (85% của 55% được sử dụng, đã tiết kiệm 15% và giam thêm 22,405 trở nộp NSNN)	1.144,725	1.144,725	211,008	188,859	176,329	52,069	179,228	127,372	27,045	98,628	84,187							
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	63,600	63,600	18,000	-	9,600	9,000	-	-	-	27,000	-							
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước (25% và 15% số thu để lại và tăng thêm 22,405 trở nộp NSNN)	1.148,671	1.148,671	212,717	182,734	179,897	56,724	173,415	118,311	25,121	121,552	78,200							
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.223,800	2.223,800	1.327,130	179,750	92,320	83,320	89,270	161,320	96,320	105,100	89,270							
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.223,800	2.223,800	1.327,130	179,750	92,320	83,320	89,270	161,320	96,320	105,100	89,270							
1	Chi quản lý hành chính	2.198,300	2.198,300	1.327,130	179,750	89,270	80,270	89,270	158,270	93,270	91,800	89,270							
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	283,250	283,250	73,600	18,150	27,830	18,830	27,830	26,830	31,830	30,520	27,830							
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.915,050	1.915,050	1.253,530	161,600	61,440	61,440	61,440	131,440	61,440	61,280	61,440							
3	Chi sự nghiệp đào tạo	25,500	25,500	-	-	3,050	3,050	-	3,050	3,050	13,300	-							
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-							
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25,500	25,500	-	-	3,050	3,050	-	3,050	3,050	13,300	-							

*Đơn vị: triệu đồng*